

Bản án số: 23/2022/HNGĐ-ST
Ngày: 06/4/2022
V/v tranh chấp "Ly hôn, nuôi con"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN A, TỈNH K
Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

* Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà **Nguyễn Kim Ngọc Giàu**

* Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà **Phạm Thị Việt Hồng**

2. Bà **Đoàn Thị Huệ**

* Thư ký phiên tòa: Ông **Cao Vũ Linh** – Thư ký Tòa án nhân dân huyện A, tỉnh K.

* Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện A, tỉnh K: Ông **Trần Văn Ý** – Kiểm sát viên.

Ngày 06 tháng 4 năm 2022 tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện A, tỉnh K xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số 210/2021/TLST-HNGĐ ngày 08 tháng 11 năm 2021 về tranh chấp "*Ly hôn, nuôi con*" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 30/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 17 tháng 3 năm 2022, giữa các đương sự:

* **Nguyên đơn**: Chị **Nguyễn Thị H**, sinh năm 1997.

Địa chỉ: Ấp V, xã Đ, huyện A, tỉnh K.

* **Bị đơn**: Anh **Dương Dũng T**, sinh năm 1992.

Địa chỉ: Ấp V, xã Đ, huyện A, tỉnh K.

(Chị H có mặt; anh T xin vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

**** Theo đơn khởi kiện, các ý kiến và yêu cầu trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn chị Nguyễn Thị H trình bày:***

Do quen biết, anh chị T tới hôn nhân và được cha mẹ đôi bên tổ chức lễ cưới hỏi theo tập quán địa phương vào ngày 30/12/2015. Sau lễ cưới ngày 24/3/2016 anh chị đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Đ, huyện A, tỉnh K. Sau khi cưới chị về làm dâu tại nhà cha mẹ anh T và anh chị có 02 đứa con: 01 gái, 01 trai.

Quá trình chung sống tại gia đình anh T, anh chị làm chung gia đình. Đến tháng 7 năm 2019 anh T bị tai nạn giao thông dẫn đến hạn chế trong nhận thức và khả năng điều khiển hành vi. Qua thời gian điều trị khoảng 09 tháng thì tình trạng đó đã không còn. Lúc này tình cảm vợ chồng, gia đình phát sinh nhiều mâu thuẫn do thiếu lòng tin lẫn nhau, không còn tôn trọng nhau trong sinh hoạt vợ chồng nói riêng và gia đình nói chung tình nghĩa vợ chồng không còn nên tháng 7 năm 2020 chị về nhà cha mẹ chị tại Ấp V, xã Đ, huyện A, tỉnh K sinh sống và ly thân cho đến nay.

Hiện tinh thần, trí tuệ anh T minh mẫn và sức khỏe đã bình phục hẳn, chỉ còn nhược điểm đi chậm, nói chậm so với trước đây. Nhưng tình cảm vợ chồng không còn do mâu thuẫn vẫn tiếp tục phát sinh nên anh chị không thể trở lại cuộc sống vợ chồng để chăm lo các con, nên chị xin ly hôn.

Về con chung: Thời gian sống chung anh, chị có 02 đứa con là Dương Khả N, sinh ngày 24/11/2016 và Dương Phúc K, sinh ngày 24/10/2018. Khả N sống với gia đình anh T, còn Phúc K sống với chị. Khi ly hôn chị đồng ý giao Dương Khả N, sinh ngày 24/11/2016 cho anh T nuôi dưỡng. Chị tiếp tục nuôi dưỡng Dương Phúc K, sinh ngày 24/10/2018. Hai bên không phải cấp dưỡng nuôi con cho nhau.

Về tài sản chung: Vợ chồng sống chung với gia đình anh T nên vợ chồng không có tài sản chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Anh chị không nợ ai nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

*** Bị đơn anh Dương Dũng T xin vắng mặt nhưng theo biên bản ghi lời khai ngày 25/02/2022 của anh Dũng T, anh trình bày:**

Anh và chị Nguyễn Thị H cưới nhau cuối năm 2015, đến đầu năm 2016 đi đăng ký kết hôn và được Ủy ban nhân dân xã Đ cấp giấy chứng nhận kết hôn. Trong quá trình chung sống vợ chồng cũng hạnh phúc như bao cặp vợ chồng khác ở địa phương. Đến ngày 01/7/2018 âm lịch anh bị tai nạn giao thông đường bộ nên mất khả năng lao động. Vì thế vợ anh bỏ nhà đi từ đó đến nay, lâu lâu thì về nhà thăm con, rồi đi tiếp. Hiện nay tình trạng sức khỏe của anh cũng không được tốt đi lại khó khăn nhưng vẫn còn nhận thức được. Trong quá trình chung sống vợ chồng có 02 đứa con chung là Dương Khả N, sinh ngày 24/11/2016 và Dương Phúc K, sinh ngày 24/10/2018, Khả N đang sống với anh, còn Phúc K hiện sống với chị H. Về tài sản và nợ chung không có. Nay chị H yêu cầu ly hôn với anh, anh đồng ý. Về con chung: Khi ly hôn anh yêu cầu được tiếp tục nuôi dưỡng cháu Khả N, giao cháu Phúc K cho chị H nuôi dưỡng, không yêu cầu cấp dưỡng nuôi

con cùng nhau. Về tài sản chung, nợ chung: Không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa hôm nay:

- Chị H: Vẫn giữ nguyên các ý kiến và yêu cầu được ly hôn với anh T; Về con chung: Chị đồng ý giao Dương Khả N, sinh ngày 24/11/2016 cho anh T nuôi dưỡng. Chị tiếp tục nuôi dưỡng Dương Phúc K, sinh ngày 24/10/2018. Hai bên không phải cấp dưỡng nuôi con cho nhau; Về tài sản chung: Chị xác định không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết; Về nợ chung: Anh chị không nợ ai nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Anh T: Có đơn xin vắng mặt. Trong đơn xin vắng mặt nêu rõ vẫn giữ nguyên ý kiến và yêu cầu theo biên bản ghi lời khai ngày 25/02/2022.

- Phát biểu của Đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa: Quá trình Tòa án thụ lý giải quyết vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án thẩm phán, thư ký, Hội đồng xét xử đã tuân thủ đúng quy định của pháp luật. Người tham gia tố tụng đã chấp hành nghiêm chỉnh các quy định của pháp luật.

Về quan hệ hôn nhân: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận cho chị Nguyễn Thị H được ly hôn với anh Dương Dũng T. Về con chung: Tiếp tục giao Dương Khả N, sinh ngày 24/11/2016 cho anh T nuôi dưỡng; giao Dương Phúc K, sinh ngày 24/10/2018 cho chị H tiếp tục nuôi dưỡng; Hai bên không phải cấp dưỡng nuôi con cho nhau. Về tài sản chung, nợ chung: Chị H và anh T đều xác định không có nên không đặt ra xem xét giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các chứng cứ, tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Bị đơn anh Dương Dũng T có hộ khẩu thường trú ở Ấp V, xã Đ, huyện A, tỉnh K. Vì vậy tranh chấp thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện A, tỉnh K theo quy định khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Bị đơn anh Dương Dũng T có đơn xin vắng mặt. Trong đơn xin vắng mặt nêu rõ vẫn giữ nguyên ý kiến và yêu cầu theo biên bản ghi lời khai ngày 25/02/2022 nên Hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 1 Điều 227, Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự xét xử vắng mặt anh T trong vụ án này.

Tòa án nhân dân huyện A đã thụ lý vụ án và đã tiến hành các thủ tục pháp lý; tiến hành phiên họp kiểm tra, tiếp cận giao nộp chứng cứ và hòa giải, tiến hành thu thập chứng cứ đúng theo quy định của pháp luật.

[2] Về quan hệ hôn nhân:

- Xét thấy quan hệ hôn nhân của chị H và anh T là hợp pháp, được Ủy ban nhân dân xã Đ, huyện A, tỉnh K cấp Giấy chứng nhận đăng ký kết hôn. Hôn nhân của anh chị được xây dựng trên cơ sở quen biết, tìm hiểu nhau trước khi đi đến hôn nhân. Anh chị chung sống hạnh phúc đến khi anh T bị tai nạn giao thông thì phát sinh mâu thuẫn.

Theo chị H nguyên nhân là do sau khi anh T bị tai nạn giao thông tình cảm vợ chồng, gia đình phát sinh nhiều mâu thuẫn do thiếu lòng tin lẫn nhau, không còn tôn trọng nhau trong sinh hoạt vợ chồng nói riêng và gia đình nói chung tình nghĩa vợ chồng không còn nên tháng 7 năm 2020 chị về nhà cha mẹ chị tại Ấp V, xã Đ, huyện A, tỉnh K sinh sống và ly thân cho đến nay.

Trong quá trình giải quyết vụ án, cũng như tại phiên tòa anh T xin vắng mặt nhưng theo biên bản lấy lời khai của đương sự ngày 25/02/2022 anh T cho rằng sau khi anh bị tai nạn giao thông đường bộ nên mất khả năng lao động. Vì thế chị H bỏ nhà đi từ đó đến nay, lâu lâu thì về nhà thăm con, rồi đi tiếp.

Hội đồng xét xử xét thấy sau khi anh T bị tai nạn giao thông thì giữa chị H và anh T bắt đầu phát sinh mâu thuẫn mặc dù anh, chị trình bày thời gian ly thân và nguyên nhân mâu thuẫn không thống nhất nhưng đều thấy rằng anh, chị đã có thời gian ly thân khá lâu nhưng vẫn không thể hàn gắn đoàn tụ. Theo biên bản lấy lời khai của đương sự ngày 25/02/2022, anh T có ý kiến đồng ý ly hôn.

Do đó, Hội đồng xét xử đủ cơ sở xác định mâu thuẫn hôn nhân giữa chị H và anh T đã trầm trọng, giữa vợ chồng đã không còn tin tưởng, yêu thương, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ lẫn nhau làm cho cuộc sống hôn nhân không còn hạnh phúc, mục đích hôn nhân không đạt được. Vì vậy, yêu cầu xin ly hôn của chị H là có căn cứ, phù hợp quy định tại Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình.

[3] Về con chung: Chị H và anh T xác định trong thời kỳ hôn nhân anh và chị có 02 con chung là Dương Khả N, sinh ngày 24/11/2016 và Dương Phúc K, sinh ngày 24/10/2018. Hiện tại Khả N sống với anh T, còn Phúc K sống với chị H. Khi ly hôn chị H và anh T thống nhất tiếp tục giao Dương Khả N, sinh ngày 24/11/2016 cho anh T nuôi dưỡng. Chị H tiếp tục nuôi dưỡng Dương Phúc K, sinh ngày 24/10/2018. Hai bên không phải cấp dưỡng nuôi con cho nhau.

Hội đồng xét xử xét thấy từ khi chị H và anh T ly thân cho đến nay thì Khả N sống với anh T, còn Phúc K sống với chị H. Việc thỏa thuận của anh T và chị H về con chung không trái quy định của pháp luật. Do đó để đảm bảo sự phát triển và quyền lợi của 02 con chung nên cần tiếp tục giao Dương Khả N, sinh ngày 24/11/2016 cho anh T nuôi dưỡng. Chị H tiếp tục nuôi dưỡng Dương Phúc K, sinh ngày 24/10/2018 là phù hợp.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con, không ai được cản trở. Người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi

đưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó;

[4] Về tiền cấp dưỡng nuôi con chung: Chị H và anh T không yêu cầu nên không đặt ra giải quyết.

[5] Về tài sản chung, nợ chung: Anh T và chị H đều xác định không có nên không yêu cầu nên Tòa án không đặt ra để giải quyết.

[6] Về án phí: Chị H phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm theo quy định tại khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điểm a khoản 1 Điều 24, điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

[7] Xét đề nghị của Vị Đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa là phù hợp, cần chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

- Các Điều 28, 35, 39, 147, 227, 228, 271, 273, 278, 280 Bộ luật Tố tụng dân sự;
- Các Điều 51, 56, 58, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình;
- Các Điều 24; 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Xử:

1. Về hôn nhân: Chấp nhận cho chị Nguyễn Thị H được ly hôn với anh Dương Dũng T.

2. Về con chung: Giao Dương Khả N, sinh ngày 24/11/2016 cho anh Dương Dũng T nuôi dưỡng. Giao Dương Phúc K, sinh ngày 24/10/2018 cho chị Nguyễn Thị H nuôi dưỡng.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con, không ai được cản trở. Người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó;

- Tiền cấp dưỡng nuôi con: Không giải quyết do không có yêu cầu.

3. Về tài sản chung, nợ chung: Không giải quyết do không có yêu cầu.

4. Về án phí: Chị Nguyễn Thị H phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm. Chị H đã nộp 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí theo biên lai thu số 0005094 ngày 08/11/2021 của Chi Cục Thi hành án dân sự huyện A, tỉnh K. Xem như chị H đã thi hành xong phần án phí.

5. Chị H có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Anh T có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày được tổng đạt bản án hoặc bản án được niêm yết công khai theo quy định của pháp luật để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh K xét xử lại theo thủ tục phúc thẩm.

6. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7, Điều 7a và Điều 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND huyện A;
- Chi cục THADS huyện A;
- UBND nơi ĐKKH;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

NGUYỄN KIM NGỌC GIÀU

